

Bản án số: 21/2022/DSPT  
Ngày 25 tháng 4 năm 2022  
“*V/v tranh chấp lỗi đi*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Vĩnh Thành

*Các Thẩm phán:* Bà Lê Thị Bích Ngọc;

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Không Thị Đức Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc:** Bà Hoàng Thị Tuyết - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 45/2021/TLPT-DS ngày 04 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp lỗi đi”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2021/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 04/2022/QĐ-PT ngày 07 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Thôn 8 A, xã T, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc; (Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bạch E, sinh năm 1963; địa chỉ: Số nhà 41, ngõ 33 đường B, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Phùng Văn V, sinh năm 1968

Địa chỉ: Thôn 8 G, xã T, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc, (Vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Vũ Thị L1, sinh năm 1962

Địa chỉ: Thôn 8 G, xã T, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lan: Ông Phùng Văn V, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn 8 G, xã T, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc, (Vắng mặt).

- Ông Phùng Văn B, sinh năm 1968

Địa chỉ: Thôn 8 A, xã T, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc, (Vắng mặt).

- Bà Vũ Thị H, sinh năm 1963

Địa chỉ: Khu 7, xã T, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc, (Vắng mặt).

- Anh Đào Văn L2, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn 8 G, xã T, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc, (Vắng mặt).

- Anh Phùng Văn C, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn 8 A, xã T, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc, (Có mặt).

- Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1997

Địa chỉ: Thôn 8 A, xã T, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc, (Vắng mặt).

- Anh Phùng Văn D, sinh năm 1998

Địa chỉ: Thôn 8 G, xã T, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc, (Vắng mặt).

- Chị Nguyễn Thị L3, sinh năm 1997

Địa chỉ: Thôn 8 G, xã T, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc, (Vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị L - Nguyên đơn

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Bạch E trình bày: Gia đình bà Nguyễn Thị L và gia đình ông Phùng Văn V đều được Ủy ban nhân dân xã T cấp đất thổ cư từ năm 1993. Diện tích đất nhà bà L được cấp là 340m<sup>2</sup>, tại khu Đổ Vó cạnh trạm y tế xã (nay là thôn G, xã T). Khi đó lối đi vào đất nhà bà L và nhà ông V là một đường bờ ruộng, chỉ có gia đình bà L và gia đình ông V sử dụng đi chung. Sau khi được cấp đất, gia đình bà L trồng cây sưa và một số cây cối khác trên đất. Năm 1995 gia đình bà L và gia đình bà Vũ Thị H có đổi cho nhau diện tích đất ruộng, cụ thể bà L lấy 100m<sup>2</sup> đất của bà Hoa giáp với 340m<sup>2</sup> đất của gia đình bà L, còn gia đình bà Hoa lấy 100m<sup>2</sup> đất ruộng của gia đình bà L ở khu Đồng Nội, việc đổi đất chỉ trao đổi bằng miệng và từ đó đến nay hai gia đình vẫn sử dụng số đất đã đổi nêu trên. Năm 1996 ông V đặt vấn đề làm đường ngõ vào diện tích đất mà gia đình bà L đổi của gia đình bà H để tiện cho việc đi lại của hai gia đình, còn đường đi cũ thì gia đình bà L được sử dụng. Với thỏa thuận như trên nên hai gia đình cùng tập trung làm đường. Năm 2003 Nhà nước đo đạc lại thì diện tích đất của gia đình bà L là 705m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 327, tờ bản đồ số 31, việc diện tích đất tăng thêm là sai số do đo đạc. Hiện nay gia đình bà L chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng*

đất đối với diện tích đất trên. Đầu năm 2018 gia đình bà L xây nhà để ở thì ông V ngăn cản không cho bắc dàn giáo ra ngoài đường (ngõ chung). Không những thế ông V còn xây bức tường bịt cổng nhà bà L không cho gia đình bà L sử dụng ngõ đi chung, ảnh hưởng đến việc đi lại sinh hoạt của gia đình bà L. Bà L đề nghị Tòa án buộc ông V phải tháo dỡ bức tường chắn lối đi của gia đình bà có chiều dài là 2,6m, cao 1,5m và trả lại lối đi cho gia đình bà. Sau khi xem xét thẩm định tại chỗ, có số liệu cụ thể bà L yêu cầu Tòa án buộc ông V phải tháo dỡ bức tường chắn lối đi của gia đình bà có chiều dài là 3m, cao 1,6m và trả lại lối đi cho gia đình bà có chiều rộng là 2,5m, chiều dài là 17,05m.

*Tại biên bản lấy lời khai, đơn đề nghị và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông Phùng Văn V đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị L1, trình bày:* Năm 1993 gia đình ông được Hợp tác xã T giao cho 14 thước đất tại khu Đỗ Vó cạnh trạm y tế xã (nay là thôn G, xã T). Năm 1994 ông xin thêm của ông Phùng Quốc I vợ là bà Nguyễn Thị K 5 thước đất, việc xin cho bằng miệng và ông mua thêm của ông Trần Ngọc B vợ là Phùng Thị N khoảng 300m<sup>2</sup> đất, có giấy tờ mua bán. Cùng thời điểm ông được Hợp tác xã giao đất thì ông Phùng Văn H2 là anh trai của ông Phùng Văn B (chồng bà L) cũng được Hợp tác xã giao đất. Sau khi nhận đất thì ông H2 đã giao lại đất cho vợ chồng bà L, ông B sử dụng. Khi đó lối đi vào đất gia đình ông và gia đình bà L là đường bờ ruộng và chỉ có hai gia đình sử dụng. Sau khi nhận đất, gia đình ông xây nhà và ở luôn trên đất, còn gia đình bà L khi đó chưa ở trên đất mà chỉ trồng cây cối. Sau này gia đình bà L và gia đình bà H có đổi đất ruộng cho nhau, bà L lấy thửa đất ruộng của bà H liền kề với đất của gia đình bà L. Năm 1995 ông và ông B có thỏa thuận miệng với nhau về việc đổi lối đi, theo đó gia đình bà L sẽ được sử dụng toàn bộ lối đi cũ để cho liền thổ đất, bà L chừa lại cho ông 2,5m chiều rộng, khoảng 12m chiều dài để ông làm lối đi riêng của gia đình ông. Khoảng năm 2006 gia đình bà L xây tường bao loan quanh đất có chừa lại lối đi của gia đình ông chiều rộng là 2,5m, sau đó gia đình ông có đổ bê tông vào ngõ đi của gia đình. Khi đổ bê tông vào ngõ đi của gia đình, ông không báo cho gia đình bà L biết vì đó là lối đi riêng của gia đình ông và khi ông đổ bê tông thì gia đình bà L cũng không ai có ý kiến gì và không đóng góp công sức, tiền của gì. Năm 2018 ông và anh Đào Văn L2 có thỏa thuận đổi đất bằng miệng với nhau, anh L2 sẽ chừa cho ông khoảng 0,5m chiều rộng, 10m chiều dài giáp với ngõ đi của gia đình ông để ngõ đi được rộng hơn, còn anh L2 lấy một phần đất của gia đình ông giáp với đất ở phía sau của gia đình anh L2. Sau đó ông có đổ bê tông vào phần đất đổi thêm của anh L2 để đường đi được rộng hơn. Năm 2018 gia đình bà L xây nhà, đã phá bỏ một đoạn tường bao loan bà L xây trước đó để đi ra lối đi của gia đình ông nên ông đã xây kín lại đoạn tường đó. Nay bà L khởi kiện yêu cầu ông phải tháo dỡ bức tường chắn lối đi của gia đình bà L có chiều dài là 3m, cao 1,6m để trả lại lối đi cho gia đình bà có chiều rộng là 2,5m, chiều dài là 17,05m,

ông không đồng ý vì hai gia đình đã thỏa thuận hoán đổi đất làm lối đi từ năm 1995.

*Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Phùng Văn B trình bày: Ông là chồng bà Nguyễn Thị L, ông thống nhất với nội dung trình bày của bà L, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L buộc ông Phùng Văn V phải tháo dỡ bức tường chắn lối đi của gia đình ông có chiều dài là 3m, cao 1,6m và trả lại lối đi cho gia đình ông có chiều rộng là 2,5m, chiều dài là 17,05m.

- Tại bản tự khai ngày 25/02/2021 bà Vũ Thị H trình bày: Năm 1994 bà và chồng là ông Nguyễn Văn G có đổi 01 thửa đất ruộng 03 thước của gia đình bà tại khu Đỗ Vó cho gia đình bà Nguyễn Thị L, theo đó gia đình bà L được sử dụng 03 thước đất ruộng tại khu vực Đỗ Vó của gia đình bà, còn gia đình bà được sử dụng 04 thước đất của gia đình bà L ở khu vực Đồng Nội. Diện tích đất ruộng 03 thước của gia đình bà ở khu vực Đỗ Vó chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Lý do gia đình bà và gia đình bà L đổi ruộng vì gia đình bà L được Ủy ban nhân dân xã T giao đất thổ cư gần ngay diện tích đất ruộng của gia đình bà nên bà L đổi để dễ canh tác và bà cũng muốn đổi lấy ruộng của gia đình bà L ở khu Đồng Nội để tiện cho việc canh tác của bà. Trước đây lối đi vào đất giữa gia đình bà L và gia đình ông V như thế nào thì bà không rõ vì đất ruộng của bà giáp ngay đường dân sinh nên bà không để ý, việc gia đình bà L và gia đình ông V đổi lối đi như thế nào thì bà không biết. Việc đổi đất ruộng giữa gia đình bà và gia đình bà L từ năm 1994 cho đến nay không có thay đổi gì, của ai có người đó sử dụng, không liên quan đến nhau. Nay bà L có đơn khởi kiện tranh chấp lối đi với ông Phùng Văn V, bà không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Anh Phùng Văn C trình bày: Anh là con của bà Nguyễn Thị L và ông Phùng Văn B. Về nguồn gốc diện tích đất hiện nay gia đình anh đang sinh sống, theo anh được biết là do Ủy ban nhân dân xã T cấp đất thổ cư cho gia đình anh từ năm 1993 và một phần đất là do gia đình anh đổi đất ruộng của gia đình bà Vũ Thị H. Diện tích đất này, trước đây khoảng năm 2000, 2001 gia đình anh có làm lò gạch chung với ông Trần Ngọc B, vợ là Phùng Thị N cho đến năm 2007 thì hai gia đình không làm lò gạch nữa nên diện tích đất trên để không. Khoảng tháng 9 năm 2018 gia đình anh xây nhà ở trên diện tích đất trên thì gia đình ông V ngăn cản không cho bắc dàn giáo ra ngoài ngõ đi chung. Về lối đi chung, theo anh được biết có từ ngày xưa hai gia đình cùng đi chung. Khoảng năm 2007, 2008 gia đình ông V đổ bê tông vào lối đi chung, trước khi đổ bê tông có bảo anh góp tiền đổ bê tông vào lối đi chung, tuy nhiên khi đó gia đình anh chưa xây nhà ra đây ở nên gia đình anh không đóng góp tiền mua vật liệu để đổ vào lối đi chung. Nay anh xác định lối đi giữa nhà anh và nhà ông V hiện nay vẫn là lối đi chung, do vậy đề nghị Tòa án

chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông V tháo dỡ bức tường xây chắn lối đi của gia đình anh để trả lại lối đi cho gia đình anh.

- Tại bản tự khai ngày 09/7/2021, anh Đào Văn L2 trình bày: Năm 2018 gia đình anh có nhận chuyển nhượng đất thổ cư diện tích 572m<sup>2</sup> đất của gia đình ông bà A, T2 (đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Trong quá trình sử dụng đất anh và gia đình ông V có thỏa thuận đổi đất bằng miệng, theo đó anh lấy một phần đất của gia đình ông V giáp phía sau đất gia đình anh, gia đình ông V được sử dụng khoảng 0,5m chiều rộng, khoảng 9,5 đến 10 mét chiều dài giáp với ngõ đi vào nhà ông V để ngõ đi nhà ông V được rộng hơn. Hiện nay lối đi vào nhà ông V chỉ có gia đình ông V đi, gia đình bà L có cổng nhà giáp đường dân sinh nên anh không thấy bà L đi vào lối đi này. Nay bà L và ông V tranh chấp lối đi chung, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Chị Nguyễn Thị H1, anh Phùng Văn D và chị Nguyễn Thị L3: Đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không lên Tòa án làm việc, không có lý do.

*Người làm chứng, ông Trần Ngọc Bích tại biên bản lấy lời khai ngày 12/7/2021 trình bày:* Ông có mối quan hệ họ hàng xa với gia đình bà Nguyễn Thị L và gia đình ông Phùng Văn V. Gia đình ông có thửa đất thổ cư diện tích khoảng 300m<sup>2</sup> tại khu Đỗ Vó, do không có nhu cầu sử dụng nên năm 2004 ông đã chuyển nhượng diện tích đất trên cho gia đình ông Phùng Văn V. Trước đây việc đi vào thửa đất trên là lối đi đường bờ ruộng. Năm 2000 gia đình ông và gia đình bà Nguyễn Thị L cùng xây dựng lò gạch trên diện tích đất của gia đình bà L để sản xuất gạch. Lò gạch được xây cách đường dân sinh khoảng 4 đến 5 mét, do vậy đi vào lò gạch là đi thẳng từ đường dân sinh vào do đất nhà bà L giáp đường dân sinh, khi đó gia đình ông và gia đình bà L không đi vào lối ngõ đi vào nhà ông V. Theo ông được biết ngõ đi vào gia đình ông V thì chỉ có gia đình ông V đi. Năm 2006 gia đình ông và gia đình bà L không làm gạch nữa, sau đó bà L có xây tường bao loan xung quanh đất của gia đình bà và trên đất có trồng cây sưa. Việc gia đình bà L và gia đình ông V tranh chấp lối đi chung như thế nào thì ông không được biết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2021/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện D đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, Điều 227, 228 **Bộ luật tố tụng dân sự 2015**;

Căn cứ vào các Điều 175, Điều 245 và Điều 246 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 203 của Luật đất đai 2013;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L yêu cầu Tòa án buộc ông Phùng Văn V phải tháo dỡ bức tường chắn lối đi của gia đình bà có chiều dài là 3m, cao 1,6m và trả lại lối đi chung cho gia đình bà có chiều rộng là 2,5m, chiều dài là 17,05m tính từ giáp đường dân sinh đi vào.

2. Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 2.400.000đ (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng). Xác nhận bà L đã nộp đủ chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27 tháng 9 năm 2021 bà Nguyễn Thị L kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị L, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 07/2021/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự là bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2] Kháng cáo của bà Nguyễn Thị L trong thời hạn nên được Hội đồng xét xử xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Về nội dung: Bà L kháng cáo cho rằng năm 1996 gia đình bà và gia đình ông V đổi lối đi chung. Một phần đường cũ gia đình bà sử dụng và một phần đường cũ gia đình ông V sử dụng. Sau khi đổi đất hai gia đình đổ đất làm đường 2,5m x 17m. Từ năm 1998-2007 gia đình bà chưa ra ở nhưng làm gạch ngói nên vẫn đi chung cùng gia đình ông V. Sau khi không làm gạch nữa gia đình có xây bao quanh mảnh đất để trồng cây cối và vẫn chở phân bón cây và đầu năm 2014 chở đất san mặt bằng phần đất làm gạch ngói trước kia. Năm 2008 gia đình ông V đổ bê tông đoạn đường, năm 2018 gia đình bà ra xây nhà để ở thì ông V xây bít phần chỗ cũ của gia đình bà không cho khai thác lối đi chung cũng như ảnh hưởng việc khai thác mảnh đất phía sau của gia đình bà. Năm 2018 gia đình bà có mở lối

đi khác ra đường dân sinh nhưng quyền lợi đi chung của lối đi cũ vẫn còn, Tòa án huyện D đã tước bỏ quyền lợi này của gia đình. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc hủy bản án sơ thẩm và xét xử lại.

Xét thấy, về nguồn gốc diện tích đất gia đình bà Nguyễn Thị L và gia đình ông Phùng Văn V do Ủy ban nhân dân xã Tgiao đất từ năm 1993, hiện nay cả hai hộ đều chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo bản đồ 299, tờ bản đồ số 15, thể hiện lối đi chung ra đường dân sinh giữa gia đình bà L và gia đình ông V là đường bờ ruộng có chiều rộng nhất là 3,4m, chỗ hẹp nhất là 2,3m, chiều dài lối đi là 66,4m, chỉ có hộ gia đình ông V và hộ gia đình bà L đi lối này. Theo bản đồ VN 2000 hiện trạng lối đi đã thay đổi, chiều rộng lối đi là 2,7m, chiều dài là 15,6m. Hiện trạng lối đi thay đổi do các hộ đã tự thỏa thuận đổi đất đường ngõ và đất ở, cụ thể hộ bà L sử dụng diện tích lối đi theo bản đồ 299 và cắt đất cho hộ ông V đi theo lối đi theo bản đồ VN 2000. Hiện nay lối đi này chỉ có gia đình ông V sử dụng.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn đều xác định lối đi tranh chấp có chiều rộng là 2,5m, chiều dài tính từ đầu đường dân sinh vào đến bức tường ông V xây là 17,05m. Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện: đoạn đường bê tông có chiều rộng là 2,9m, chiều dài tính từ đầu đường dân sinh đến cổng nhà ông V là 18,4m, trong đó bức tường có tranh chấp dài 3m, cao 1,6m.

Theo trình bày của nguyên đơn thì năm 2006 gia đình bà đã xây tường bao loan quanh thửa đất, khi xây có chừa lại 2,5m đất chiều rộng và khoảng 17m chiều dài để làm lối đi chung. Bà L khẳng định khi ông V đổ bê tông vào lối đi chung có nói với con trai bà anh Phùng Văn C nhưng khi đó gia đình bà chưa ra ở trên đất nên không đóng góp công sức gì và cũng không có ý kiến gì. Như vậy có thể thấy việc gia đình ông V và gia đình bà L đổi lối đi cho nhau, gia đình bà L được sử dụng lối đi cũ và chừa lại một phần đất của gia đình bà để gia đình ông V sử dụng làm lối đi riêng là phù hợp với thực tế sử dụng. Năm 2018 ông V đổi đất phía sau nhà ông để lấy 0,5m chiều rộng, hơn 10m chiều dài liền với ngõ đi của gia đình ông để ngõ đi được rộng hơn. Hộ bà L sử dụng lối đi cũ để cho liền thửa đất thuận tiện cho việc sử dụng và bà đã xây nhà trên đường cũ, tức là chỉ có hộ của bà L toàn quyền sử dụng lối đi cũ, sau khi đổi lối đi cho hộ ông V thì gia đình bà L xây tường gạch bao loan, không sử dụng lối đi đang tranh chấp trong nhiều năm, đến năm 2018 xây nhà mới dỡ tường để xây nhà (Trong đơn kháng cáo bà L cũng thừa nhận sau khi không làm gạch nữa gia đình có xây tường bao quanh mảnh đất để trồng cây cối. Năm 2018, bà L đã xây dựng nhà trên lối đi cũ và mở lối đi ở hướng khác thẳng ra đường dân sinh). Như vậy, bà L cũng thừa nhận từ năm 2007 gia đình bà không đi lối đi đang tranh chấp, không đổ bê tông tôn tạo lối đi. Đối với bức tường ông V xây tiếp giáp từ phía tường hậu nhà bà L đến cột

cổng nhà ông V không phải xây trên đất của bà L nên không có cơ sở buộc tháo dỡ.

Hiện nay, đất hộ bà L có chiều rộng giáp đường dân sinh hơn chục mét, nhà hiện nay của hộ bà L xây trên khoảng  $\frac{1}{2}$  chiều rộng của đất, còn một nửa chiều rộng còn lại xây tường bao loan và làm cổng cạnh mặt tiền nhà hướng ra đường dân sinh rất thuận tiện cho việc đi lại của gia đình bà.

Tại cấp phúc thẩm bà L đề nghị Tòa án lấy lời khai của ông Trần Văn M (Thôn R, xã T, huyện D) và ông Phạm Thái H (Thôn Ê, xã T, Huyện D) là những người làm thuê có xe bò chở đất cho bà L, ông B1 làm lò gạch. Hai ông này trình bày năm 2000-2001 xe bò của các ông chở đất làm gạch cho hộ bà L, hộ ông B1 có đi vào đường theo lối đi từ đường dân sinh vào khu đất bà L (tức là lối đi hiện bà L và ông V đang tranh chấp). Tuy nhiên, ông Trần Ngọc B1 là người làm lò gạch cùng bà L thì khẳng định năm 2000 gia đình ông và gia đình bà L xây lò gạch trên đất bà L để làm gạch. Lò gạch xây cách đường dân sinh khoảng 4-5m, do vậy đi vào lò gạch thẳng từ đường dân sinh vào, không đi vào ngõ đi vào nhà ông V. Theo ông ngõ đi vào nhà ông V chỉ có gia đình ông V đi. Năm 2006 gia đình ông B1 và gia đình bà L không làm gạch nữa, sau đó bà L xây tường bao loan xung quanh đất của gia đình bà và trồng cây sưa. Như vậy, lời khai của ông B1 là phù hợp lời khai ông V, phù hợp các chứng cứ khác.

Từ những phân tích trên cho thấy, bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L yêu cầu Tòa án buộc ông Phùng Văn V phải tháo dỡ bức tường chắn lối đi của gia đình bà có chiều dài là 3m, cao 1,6m và trả lại lối đi chung cho gia đình bà có chiều rộng là 2,5m, chiều dài là 17,05m tính từ giáp đường dân sinh đi vào là có cơ sở. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bà L. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như quan điểm đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị L, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 07/2021/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Căn cứ vào các Điều 175, Điều 245 và Điều 246 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 166, 170, khoản 2 Điều 203 của Luật đất đai 2013; Nghị quyết số



326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu Tòa án buộc ông Phùng Văn V phải tháo dỡ bức tường chắn lối đi của gia đình bà có chiều dài là 3m, cao 1,6m và trả lại lối đi chung cho gia đình bà có chiều rộng là 2,5m, chiều dài là 17,05m tính từ giáp đường dân sinh đi vào.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên L thu số AA/2020/0001733 ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc. Bà Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Vĩnh Thành**